

Bản án số: 09/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 31/3/2025

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Ái Thương.

2. Bà Hứa Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Văn Bảy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2024/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25/3/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị C, sinh năm 1978.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn T, xã V, huyện K, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình D, sinh năm 1964.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn T, xã V, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Chị C có mặt, anh D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là chị Hoàng Thị C và anh Nguyễn Đình D trình bày: chị Hoàng Thị C và anh Nguyễn Đình D được tự do tìm hiểu, tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là xã V), huyện K, tỉnh Hải Dương vào tháng 6 năm 1995. Do lúc đó chị C chưa đủ tuổi nên hồ sơ đăng ký kết hôn vẫn

để ở UBND xã. Còn sau đó UBND xã có đăng ký kết hôn cho chị C và anh D hay không thì anh, chị không nắm được. Sau khi tổ chức đám cưới, chị C và anh D chung sống tại xã T, huyện K đến năm 2007 thì nảy sinh mâu thuẫn và chị C đã bỏ về nhà bố mẹ để ở khoảng 1 tháng rồi quay về tiếp tục chung sống. Đến năm 2018, vợ chồng lại cãi nhau, chị C về nhà bố mẹ để khoảng 1 tháng thì anh D gặp gỡ, nói chuyện, đón chị C về. Đến tháng 3 năm 2024, vợ chồng lại xảy ra cãi nhau, xuất phát từ những điều nhỏ nhặt trong cuộc sống hàng ngày, do tuổi tác chênh lệch nhiều nên không cùng quan điểm sống. Chị C đã cố gắng chịu đựng, nhẫn nhịn để chung sống nhưng không thể được nên tháng 3 năm 2024, chị đã thuê nhà ở ngoài, không chung sống cùng anh D nữa. Anh D cũng thừa nhận có việc vợ chồng mâu thuẫn, nhưng không có việc anh đánh đập chị C. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2024 đến nay. Anh D đã nhiều lần gọi điện nói chuyện khuyên giải chị C quay về chung sống nhưng chị C không đồng ý. Đến nay chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh D. Anh D muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

- *Về con chung*: chị C và anh D có 3 con chung là Nguyễn Đình L, sinh ngày 26/12/1995, Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 12/6/2001 và Nguyễn Đình Q, sinh ngày 16/12/2005. Hiện các con chung đều đủ tuổi trưởng thành nên chị C và anh D không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: chị C và anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh tại UBND xã V xác định: UBND xã đã kiểm tra sổ đăng ký kết hôn đang lưu giữ tại UBND xã và xác định chị Hoàng Thị C và anh Nguyễn Đình D chưa có tên trong sổ đăng ký kết hôn của UBND xã. Nay chị C có đơn xin ly hôn anh D đề nghị Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng.

Tại phiên tòa, chị C xác định có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là xã V) nhưng không có giấy tờ liên quan đến việc này. Đến khi làm thủ tục ly hôn, chị đến UBND xã xin Trích lục kết hôn thì mới biết không có tên chị và anh D trong sổ đăng ký kết hôn tại UBND xã V. Chị đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của chị theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28,

điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Quan hệ hôn nhân: không công nhận chị Hoàng Thị C và anh Nguyễn Đình D là vợ chồng.

- Về con chung: không đặt ra giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra giải quyết.
- Án phí: chị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Hoàng Thị C khởi kiện xin ly hôn đối với anh Nguyễn Đình D có địa chỉ thường trú tại xã V, huyện K nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Đình D đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của chị Hoàng Thị C và anh Nguyễn Đình D, anh chị chung sống với nhau từ tháng 6 năm 1995, có tổ chức đám cưới theo phong tục trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có nộp hồ sơ đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là xã V), huyện K. Tuy nhiên, do thời điểm đó chị C chưa đủ tuổi kết hôn nên chưa được UBND xã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Từ đó đến nay anh chị không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nào. Xác minh tại UBND xã V đều thể hiện: từ năm 1995 đến nay, không có thông tin đăng ký kết hôn giữa chị Hoàng Thị C và anh Nguyễn Đình D. Như vậy, có căn cứ xác định chị C và anh D tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định và kể từ đó đến nay anh chị vẫn không đăng ký kết hôn theo hướng dẫn tại Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 9-6-2000 của Quốc hội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ giữa chị C và anh D không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Vì vậy, chị C xin ly hôn anh D, Tòa án sẽ tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: chị C và anh D có 3 con chung là Nguyễn Đình L, sinh ngày 26/12/1995, Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 12/6/2001 và Nguyễn Đình Q, sinh ngày 16/12/2005. Hiện các con chung đều đủ tuổi trưởng thành nên chị C và anh D không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: chị C và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: chị C là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận chị Hoàng Thị C và anh Nguyễn Đình D là vợ chồng.

2. Về con chung: chị C và anh D có 3 con chung là Nguyễn Đình L, sinh ngày 26/12/1995, Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 12/6/2001 và Nguyễn Đình Q, sinh ngày 16/12/2005. Hiện các con chung đều đủ tuổi trưởng thành, chị C và anh D không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét..

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị C đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006404 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, chị C đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã Vũ Dũng, huyện Kim Thành;
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hà